

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục
đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban
Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào
tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị
trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương
trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày
21/11/2017 của Quốc hội về điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách
giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày
28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 44-NQ/CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về Chương
trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày
04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới
căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại
hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập
quốc tế;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về
việc quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên
mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;*

*Tiếp theo các Quyết định của UBND tỉnh: Số 40/2019/QĐ-UBND ngày
03/12/2019 ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên
chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên; số 408/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 phê duyệt
Kế hoạch tổng thể thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ
thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên; số 21/2020/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 Quy
định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên
địa bàn tỉnh Điện Biên;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2827/TTr-SGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án đảm bảo nội dung, yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^(VVĐ).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ A Bằng

ĐỀ ÁN

Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

*(Kèm theo Quyết định số **3163**/QĐ-UBND ngày **03** tháng **12** năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

PHẦN I

TÍNH CẤP THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Tính cấp thiết của Đề án

Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông công lập là giải pháp đặc biệt quan trọng, then chốt trong việc thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển giáo dục. Một trong những nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 29-NQ/TW là phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo đã ghi rõ: “*Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo....*”.

Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện đang được triển khai ở cấp tiểu học, trung học cơ sở, năm học 2022-2023 đã bổ sung một số môn học bắt buộc và một số môn học tự chọn mới trong khi đội ngũ trước đây chưa được đào tạo, bồi dưỡng bộ môn này, điều đó cho thấy tính cấp thiết của việc phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu của chương trình mới.

Điều 72, Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên như sau: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên đối với giáo viên mầm non; có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Sau khi Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, một số giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở cả nước nói chung và của tỉnh Điện Biên nói riêng không còn đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Hiện nay toàn ngành còn 29/1.276 cán bộ quản lý chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo (chiếm 2,28%), 1.910/11.950 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo (chiếm 15,65%) tổng số giáo viên toàn ngành. Mặt khác, Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 đòi hỏi giáo viên cần có nhiều kỹ năng tổng hợp, khái quát, vận dụng sáng tạo trong dạy và học. Do đó, việc xây dựng Đề án “*Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*” là cần thiết nhằm cụ thể hoá các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính

sách của nhà nước trong công tác phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trong toàn ngành Giáo dục tỉnh Điện Biên. Qua đó, xác định rõ lộ trình và tổ chức thực hiện lộ trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp bảo đảm phù hợp với hiện trạng, nhu cầu đội ngũ.

II. Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Nghị quyết số 44-NQ/CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Các Nghị định của Chính phủ: Số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”;

Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về chương trình giáo dục phổ thông mới;

Các Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Số 2635/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 ban hành Kế hoạch hành động của ngành giáo dục triển khai chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới

căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; số 2632/QĐ-BGDĐT ngày 24/7/2015 ban hành Kế hoạch phê duyệt thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Công văn số 1108/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 23/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

Các Quyết định UBND tỉnh: Số 40/2019/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên; số 408/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên; số 21/2020/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên; số 1326/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

Kế hoạch số 411/KH-UBND ngày 15/02/2021 của UBND tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025.

III. Căn cứ thực tiễn

1. Quy mô số trường, số lớp, số học sinh

1.1. Thực trạng về quy mô số trường, số lớp, số học sinh năm học 2021-2022

Toàn ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên có 482 trường, trung tâm trong đó có 477 trường, trung tâm công lập với 7.576 lớp và 211.564 học sinh, học viên, sinh viên. cụ thể:

- Cấp học mầm non có 169 trường với 2.480 lớp/nhóm trẻ, 59.230 học sinh/trẻ.
- Cấp tiểu học có 140 trường, với 2.925 lớp, 75.750 học sinh.
- Cấp THCS có 122 trường với 1.360 lớp, 47.328 học sinh.
- Cấp THPT có 33 trường 574 lớp, 23.487 học sinh.
- Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục đặc biệt:
- + 01 Trung tâm GDTX cấp tỉnh, 09 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện với 33 lớp và 1.173 học viên.
- + 01 Trường Cao đẳng Sư phạm (có 20 lớp, 603 sinh viên chính quy);
- + 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập với 05 lớp, 50 học sinh;
- + 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học công lập với 179 lớp, 5.972 học viên.

(Chi tiết theo Phụ lục số 1.1 đính kèm)

1.2 Dự báo quy mô số trường, số lớp, số học sinh giai đoạn 2021-2030

a) Dự báo quy mô trường, lớp, học sinh năm học 2025-2026

Thực hiện Kế hoạch số 2054/KH-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 16/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày

25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả; Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch đầu tư, cải tạo, mở rộng quy mô các trường Dân tộc nội trú tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2018-2025, đến năm học 2025-2026 việc sắp xếp tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập cơ bản hoàn thiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, dự báo toàn ngành có 455 trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT công lập và 10 trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 01 trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 01 trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, 01 trường Cao đẳng Sư phạm, trong đó quy mô như sau (theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 09/12/2020):

- Cấp học mầm non có 165 trường với 2.513 lớp/nhóm trẻ, 60.117 học sinh/trẻ, giảm 04 trường, tăng 33 lớp/nhóm trẻ, tăng 887 học sinh/trẻ so với năm học 2021-2022.

- Cấp tiểu học có 130 trường với 2.877 lớp, 72.530 học sinh, giảm 10 trường, 48 lớp, 3.220 học sinh so với năm học 2021-2022.

- Cấp THCS có 127 trường với 1.407 lớp, 50.325 học sinh tăng 05 trường, tăng 47 lớp, 2.997 học sinh so với năm học 2021-2022.

- Cấp THPT có 33 trường 565 lớp, 20.350 học sinh tăng 48 lớp, giảm 435 học sinh so với năm học 2021-2022 (năm học 2021-2022 do ảnh hưởng dịch bệnh covid-19, tỉ lệ học sinh học hết lớp 9 phân luồng đi lao động hoặc học nghề thấp, nên tỉ lệ huy động học sinh trong độ tuổi vào học THPT tăng cao đột biến).

- Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục đặc biệt:

- + 01 Trung tâm GDTX cấp tỉnh, 09 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện với 32 lớp và 1.070 học viên.

- + 01 Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh với 12 lớp, 120 học sinh.

- + 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, 161 lớp, 5.500 học viên.

- + 01 Trường Cao đẳng Sư phạm với 20 lớp, 639 sinh viên chính quy.

b) Dự báo quy mô trường, lớp, học sinh năm học 2030-2031

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 16/03/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hiện hành, toàn ngành giáo dục và Đào tạo tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ quản lý cơ quan Văn phòng Sở và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, dự báo đến năm học 2030-2031, toàn tỉnh có 452 trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT công lập và 10 Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX, 01 trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 01 trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, 01 trường Cao đẳng Sư phạm (theo số liệu dự báo tại Kế hoạch số 1394/KH-SGDĐT ngày 14/6/2021 của Sở GDĐT), trong đó:

- Cấp học mầm non có 161 trường với 2.654 lớp/nhóm trẻ, 70.497 học sinh/trẻ, giảm 08 trường tăng 174 lớp/nhóm trẻ, 11.267 học sinh/trẻ so với năm học 2021-2022.

- Cấp tiểu học có 131 trường với 3.019 lớp, 85.390 học sinh, giảm 9 trường, tăng 94 lớp, 9.641 học sinh so với năm học 2021-2022.

- Cấp THCS có 128 trường với 1.740 lớp, 59.901 học sinh, tăng 06 trường, 380 lớp, 12.573 học sinh so với năm học 2021-2022;

- Cấp THPT có 33 trường 689 lớp, 23.013 học sinh, tăng 115 lớp, 877 học sinh so với năm học 2021-2022.

- Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục đặc biệt: 01 trung tâm GDTX cấp tỉnh, 09 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện với 43 lớp và 1.225 học viên. 01 trung tâm Hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập 12 lớp, 120 học sinh; 01 trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, 161 lớp, 5.500 học viên. 01 trường Cao đẳng Sư phạm với 25 lớp, 900 sinh viên.

(Chi tiết theo Phụ lục số 1.2 đính kèm)

2. Thực trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

2.1 Số lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

Số lượng phân theo cấp học

Toàn ngành hiện có 14.576 biên chế, trong đó: 1.276 cán bộ quản lý, 11.950 giáo viên, 1.350 nhân viên, cụ thể:

- Cấp Mầm non: 4.327 biên chế trong đó: 447 cán bộ quản lý, 3.571 giáo viên, 309 nhân viên. Tỉ lệ giáo viên/lớp trung bình đạt 1,44. So với định mức quy định (2,5 giáo viên/nhóm trẻ; 2,2 giáo viên/lớp mẫu giáo) thì cấp học mầm non còn thiếu 1.181 giáo viên.

- Cấp Tiểu học: 5.086 biên chế trong đó: 426 cán bộ quản lý, 4.142 giáo viên, 518 nhân viên. Tỉ lệ giáo viên/lớp trung bình đạt 1,44. So với định mức quy định (1,5 giáo viên/lớp) thì cấp học tiểu học còn thiếu 245 giáo viên.

- Cấp THCS: 3.397 biên chế trong đó: 264 cán bộ quản lý, 2.728 giáo viên, 405 nhân viên. Tỉ lệ giáo viên/lớp trung bình 2.05. So với định mức quy định (1,9 giáo viên/ lớp đối với trường THCS và 2,2 giáo viên/lớp đối với trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS) thì cấp học THCS còn thiếu 112 giáo viên.

- Cấp THPT: 1.577 biên chế trong đó: 107 cán bộ quản lý, 1.278 giáo viên, 192 nhân viên. Tỉ lệ giáo viên/lớp trung bình 2.1 So với định mức quy định (2,25 giáo viên/ lớp đối với trường THPT; 2,4 giáo viên/lớp đối với trường Dân tộc nội trú THPT; 3,1 giáo viên/lớp đối với trường THPT chuyên) thì cấp học THPT còn thiếu 56 giáo viên.

- Trung tâm GDTX tỉnh, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập: năm học 2021-2022: 61 biên chế trong đó: 7 cán bộ quản lý, 39 giáo viên, 15 nhân viên.

- Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện: năm học 2021-2022: 120 biên chế, trong đó: 22 cán bộ quản lý, 77 giáo viên, 21 nhân viên.

So với định mức quy định (2,25 giáo viên/lớp) thì các Trung tâm GDTX và Trung tâm GDNN - GDTX, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập còn thiếu 04 giáo viên.

- Trường Cao đẳng Sư phạm: Năm học 2021-2022: 127 biên chế, trong đó: 3 cán bộ quản lý, 115 giảng viên, 9 nhân viên.

2.2 Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Về trình độ chuyên môn

Toàn ngành hiện có 07 giáo viên/giảng viên có trình độ tiến sĩ; 539 giáo viên/giảng viên có trình độ thạc sĩ; 9.729 giáo viên/giảng viên có trình độ đại học; 2.524 giáo viên có trình độ cao đẳng và 427 giáo viên có trình độ trung cấp. Theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH ngày 14 tháng 6 năm 2019, trình độ đào tạo của cán bộ quản lý và giáo viên, cụ thể như sau:

- Cán bộ quản lý: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn: 1.247/1.276 người, chiếm 97,72%; chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục: 29/1.276 người, chiếm 2,28%.

- Giáo viên: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn: 10.040/11.950, chiếm 84,35%; chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục: 1.910/11.950 người, chiếm 15,65%.

Chia ra các cấp học như sau:

*** Cán bộ quản lý**

- Cấp mầm non: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 100%, trong đó: trên chuẩn có 436 người (chiếm 97,53%); đạt chuẩn có 11 người (chiếm 2,47%); chưa đạt chuẩn: Không.

- Cấp tiểu học: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 94,13%, trong đó: trên chuẩn có 36 người (chiếm 8,45%); đạt chuẩn có 365 người (chiếm 85,68%); chưa đạt chuẩn có 25 người (chiếm 5,87%);

- Cấp THCS: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 98,48%, trong đó: trên chuẩn có 29 người (chiếm 10,98%); đạt chuẩn có 231 người (chiếm 87,5%); chưa đạt chuẩn có 04 người (chiếm 1,52%);

- Cấp Trung học phổ thông: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 100%, trong đó: trên chuẩn có 64 người (chiếm 59,81%); đạt chuẩn có 43 người (chiếm 40,19%); chưa đạt chuẩn: không.

- Các Trung tâm GDTX, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Giáo dục hòa nhập: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 100%, trong đó: trên chuẩn có 5 người (chiếm 71,4%); đạt chuẩn có 2 người (chiếm 28,6%); chưa đạt chuẩn: không.

- Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 100%, trong đó: trên chuẩn có 07 người (chiếm 31,8%); đạt chuẩn có 15 người (chiếm 68,2%); chưa đạt chuẩn: không.

Trường Cao đẳng Sư phạm: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 100%, trong đó: trên chuẩn có 01 người (chiếm 33,3%); đạt chuẩn có 02 người (chiếm 66,7%) chưa đạt chuẩn: không.

*** Giáo viên**

- Cấp mầm non: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 93,5%, trong đó: trên chuẩn có 2338 người (chiếm 65,47%); đạt chuẩn có 1.001 người (chiếm 28,03%); chưa đạt chuẩn 232 người (chiếm 6,5%);

- Cấp tiểu học: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 69,02%, trong đó: trên chuẩn có 03 người (chiếm 0,07%); đạt chuẩn có 2.856 người (chiếm 68,95%); chưa đạt chuẩn 1.283 người (chiếm 30,98%);

- Cấp THCS: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 85,89%, trong đó: trên chuẩn có 10 người (chiếm 0,37%); đạt chuẩn có 2.333 người (chiếm 85,52%); chưa đạt chuẩn 385 người (chiếm 14,11%);

- Cấp Trung học phổ thông: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 99,45%, trong đó: trên chuẩn có 257 người (chiếm 20,1%); đạt chuẩn có 1.014 người (chiếm 79,34 %); chưa đạt chuẩn 07 người (chiếm 0,55%);

- Các Trung tâm GDTX, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Giáo dục hòa nhập: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 94,87%, trong đó: trên chuẩn có 9 người (chiếm 23,07%); đạt chuẩn có 27 người (chiếm 69,23%); chưa đạt chuẩn 3 người (chiếm 7,69%);

- Các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện: Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 100%, trong đó: đạt chuẩn có 77 người (chiếm 100%).

(Chi tiết theo Phụ lục số 2.1, 2.2 đính kèm)

* Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo: Tổng số là 1.939 người (29 cán bộ quản lý, 1.910 giáo viên), trong đó:

Cấp học	Số người có trình độ dưới chuẩn		Trong đó				Số người phải đào tạo đạt chuẩn giai đoạn 2022-2030	
			Số người quá tuổi không thuộc diện đào tạo (theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ)		Số người đang học năm 2021			
	CBQL	Giáo viên	CBQL	Giáo viên	CBQL	Giáo viên	CBQL	Giáo viên
GDMN		232		8		143		81
GDTH	25	1.283	6	142	7	799	12	342
THCS	4	385		19	4	256		110
THPT		7						7
Các trung tâm		3						3
Tổng	29	1.910	6	169	11	1.198	12	543

b) Về trình độ lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ, quản lý nhà nước, quản lý giáo dục

- Lý luận chính trị: 1.356/13.226 cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên, chiếm 10,25%, Trong đó: Cán bộ quản lý

919/1.276 người, chiếm 72,02%; giáo viên 437/11.950 người, chiếm 3,66%;

- Tin học: 9.240/13.226 cán bộ quản lý, giáo viên có chứng chỉ tin học từ A trở lên, chiếm 69,86%. Trong đó: Cán bộ quản lý 894/1.267 người, chiếm 70,06%; giáo viên 8.346/11.950 người, chiếm 69,84%;

- Ngoại ngữ: 4.571/13.226 cán bộ quản lý, giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ từ A trở lên, chiếm 34,56%. Trong đó: Cán bộ quản lý 476/1.276 người, chiếm 37,3%; Giáo viên 4.095/11.950 người, chiếm 34,26%.

- Quản lý nhà nước, quản lý giáo dục: 589/1.276 người đã được bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước, chiếm 46,16%; 873/1.276 người đã được bồi dưỡng kiến thức về quản lý giáo dục, chiếm 68,42%.

c) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông đã và đang được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện Chương trình GDPT2018 (tổng số 09 mô đun cần bồi dưỡng; đã thực hiện 04 mô đun). Đồng thời đã được bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, 2 và lớp 6. Giai đoạn 2022-2025, tiếp tục bồi dưỡng các mô đun từ 5 đến 9; bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa tài liệu giáo dục địa phương lớp 3,4,5, lớp 7,8,9 và lớp 10,11,12. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục còn được bồi dưỡng thường xuyên hằng năm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3 Cơ cấu giới tính, độ tuổi của cán bộ quản lý và đội ngũ nhà giáo

a) Cơ cấu giới tính

- **Cán bộ quản lý:** Tổng số: 1.276 người, trong đó nữ: 787 người chiếm tỷ lệ 61,67%.

- **Đội ngũ giáo viên:** Tổng số: 11.950 người, trong đó nữ: 8.331 người, chiếm tỉ lệ 69,7%.

b) Cơ cấu độ tuổi

- Nhà giáo dưới 30 tuổi: 2.277 người, chiếm 17,22%.

- Nhà giáo từ 30-34 tuổi: 3.499 người, chiếm 26,5%.

- Nhà giáo từ 35-39 tuổi: 3.519 người, chiếm 26,61%.

- Nhà giáo từ 40 đến 44 tuổi: 2.150 người, chiếm 16,26%.

- Nhà giáo từ 45 đến 49 tuổi: 1.011 người, chiếm 7,64%.

- Nhà giáo từ 50-54 tuổi: 704 người, chiếm 5,32%.

- Nhà giáo trên 55 tuổi: 66 người, chiếm 0,5%.

3. Cơ chế, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

3.1 Tuyển chọn

Cán bộ quản lý giáo dục được bổ nhiệm, đa số là những giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý theo quy định. Giáo viên được tuyển dụng trong những năm trở lại đây theo đúng quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3.2 Đào tạo, bồi dưỡng

Tạo điều kiện cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, về việc phê duyệt Đề án Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2013-2020.

Thực hiện chi trả đầy đủ chế độ chính sách cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định tại Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định chính sách hỗ trợ, cán bộ, công chức, viên chức đi học và chính sách thu hút những người có trình độ cao trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Sử dụng, bố trí cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ nhà giáo được thực hiện đúng chuyên môn, sở trường, khả năng, tạo điều kiện để viên chức phát huy năng lực.

3.3 Chính sách tinh giản biên chế

Thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, ngày 08/10/2015 UBND tỉnh ban hành kế hoạch số 236/KH-UBND về thực hiện chính sách tinh giản biên chế và Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng, triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021 và kế hoạch tinh giản biên chế đảm bảo giảm 10% biên chế được giao năm 2015. Tổ chức rà soát đội ngũ, đánh giá về số lượng, chất lượng, cơ cấu, trình độ, năng lực, sức khỏe, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của đội ngũ hiện có để sắp xếp, bố trí, sử dụng phù hợp với từng vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ, từ đó xác định đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

Tính đến 01/6/2021, toàn ngành đã thực hiện tinh giản 712 biên chế so với 16.640 biên chế giao năm 2015 trong các cơ sở giáo dục trong toàn ngành, đạt 4,32% so với biên chế được giao năm 2015, 43,2% so với kế hoạch.

Bên cạnh đó, từ năm 2015 đến tháng 6/2021, toàn ngành có 945 công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi và nghỉ thôi việc (668 người nghỉ hưu, 277 người nghỉ thôi việc), nâng tổng số biên chế giảm trong toàn ngành là 1.657 người, tương đương 9,96% chỉ tiêu biên chế được giao năm 2015.

4. Đánh giá hiện trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

4.1 Ưu điểm

Hàng năm, căn cứ quy mô số lớp, số học sinh, Sở Giáo dục và Đào tạo,

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng phương án bố trí, sử dụng đội ngũ (điều động, biệt phái...) linh hoạt để đảm bảo định mức số lượng người làm việc, tạo điều kiện tốt nhất về đội ngũ giáo viên giúp các đơn vị ổn định tổ chức, chủ động phương án bố trí, phân công công tác giảng dạy đối với giáo viên.

Đa số cán bộ, giáo viên có phẩm chất chính trị vững vàng, nghiêm túc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành và nội quy, quy chế cơ quan, đơn vị, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tận tâm, tâm huyết với nghề.

Đến nay, 97,03% cán bộ quản lý, 83,78% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; giáo viên nhiệt tình, yên tâm công tác, yêu ngành, yêu nghề, luôn có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng bài giảng thông qua nhiều hình thức như: thường xuyên được trao đổi kinh nghiệm giảng dạy và quản lý thông qua các đợt sinh hoạt cụm chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn và các chuyên đề, chủ đề hoạt động; đánh giá thực chất kết quả của học sinh.

Đội ngũ cán bộ quản lý tích cực đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý chuyên môn và các hoạt động của nhà trường. Công tác quản lý của nhà trường đã và đang tạo ra một môi trường sinh hoạt và học tập thân thiện thu hút được người học, tạo được uy tín trong nhân dân.

Mặc dù là tỉnh miền núi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, song cùng với các chính sách đãi ngộ của Đảng và Nhà nước, đội ngũ giáo viên bằng tâm huyết, lòng yêu nghề, sự nhiệt tình trong công tác luôn nêu cao tinh thần khắc phục mọi khó khăn, tích cực bám lớp, bám trường công hiến phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục của tỉnh nhà, tự giác học tập và nâng cao trình độ chuyên môn.

4.2 Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Hiện nay toàn ngành còn thiếu 1.594 biên chế so với định mức quy định; khi số học sinh tăng trong những năm tới cũng cần bổ sung biên chế. Tuy nhiên, ngành Giáo dục vẫn phải thực hiện lộ trình cắt giảm số lượng người làm việc theo quy định tại Nghị quyết 19-NQ/TW của BCH Trung ương (đến năm 2025 giảm 10% so với năm 2021; đến năm 2030 tiếp tục giảm 10% so với năm 2025). Thiếu nguồn để tuyển giáo viên các môn Ngoại ngữ, Tin học; chưa có giáo viên liên môn (cấp Trung học cơ sở) và giáo viên dạy nhóm môn Công nghệ - Nghệ thuật để thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Số giáo viên có trình độ đào tạo chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019 còn nhiều (1.910 người); một số giáo viên chưa đủ kỹ năng và phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (thiết kế bài giảng PowerPoint, sử dụng máy chiếu, dạy học trực tuyến...) chưa đáp ứng yêu cầu.

Trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước, quản lý giáo dục của đội ngũ

cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm theo quy định: 27,08% chưa được bồi dưỡng trình độ lý luận; 53,84% chưa được bồi dưỡng quản lý nhà nước; 31,58% chưa được bồi dưỡng quản lý giáo dục; 29,94% chưa được bồi dưỡng tin học; 62,69% chưa được bồi dưỡng ngoại ngữ, tiếng dân tộc.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều hạn chế trong công tác quản lý điều hành, trong quản trị trường học; thiếu sự chủ động trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra từ cơ sở; hạn chế về kiến thức pháp luật, tổ chức bộ máy, quản lý nhân sự và tài chính. Khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy còn rất hạn chế.

Công tác chuyển đổi số trong quản lý trường học, quản lý học sinh, mặc dù đã được triển khai nhưng các hệ thống này đã lạc hậu, không thực hiện được nhiều nội dung quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chưa hỗ trợ cho đội ngũ CBQL và giáo viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng; chất lượng giáo dục đội ngũ giáo viên chưa đồng đều giữa vùng có điều kiện thuận lợi với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Nguyên nhân

*** Nguyên nhân khách quan**

Biên chế được giao hằng năm chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Một số cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ quản lý chưa quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.

Đa số các khóa đào tạo, bồi dưỡng đều kéo dài từ 03 tháng trở lên nên việc bố trí thời gian tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhà giáo, đặc biệt là nhà giáo công tác tại các trường vùng sâu, vùng xa, các điểm bản còn gặp nhiều khó khăn.

Cơ sở hạ tầng như hệ thống điện, máy tính, internet ở một số xã, điểm bản chưa đáp ứng được yêu cầu học tập theo hình thức online nên việc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhà giáo còn hạn chế.

Cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu phát triển về quy mô và yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục: nhiều phòng học đã được đầu tư từ giai đoạn trước, diện tích nhỏ, đã xuống cấp, khó bố trí tối đa số lượng học sinh/lớp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; số lượng phòng học chức năng, thư viện, thí nghiệm, nhà bán trú, nhà công vụ, sân chơi, bãi tập và các hạng mục phụ trợ khác chưa đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu tối thiểu phục vụ dạy và học...nên việc sắp xếp, bố trí đội ngũ giáo viên còn gặp nhiều khó khăn.

*** Nguyên nhân chủ quan**

Công tác bố trí, sắp xếp đội ngũ của một bộ phận nhỏ các bộ quản lý các cơ sở giáo dục còn thiếu khoa học; việc tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, quản lý nhà nước, quản lý giáo dục của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục còn chưa thường xuyên. Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường, quản lý dạy và học còn hạn chế.

Một số giáo viên nhận thức chưa đầy đủ về công tác đào tạo, bồi dưỡng, chưa chủ động tự học, tự nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, chưa chủ

động trong việc tiếp cận và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Đời sống của giáo viên còn nhiều khó khăn, một bộ phận giáo viên trẻ mới ra trường còn hạn chế về kinh nghiệm chuyên môn.

Một số giáo viên được tuyển dụng (được đào tạo hệ 9+3 không qua thi tuyển sinh vào học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên) hiện đang công tác ở vùng sâu, vùng xa chưa có điều kiện để tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

PHẦN II MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

I. Mục tiêu chung

Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019; đáp ứng yêu cầu Đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Mục tiêu 1: Đào tạo giáo viên đáp ứng chuẩn trình độ theo chức danh nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030

- Đến năm 2025:

+ Về số lượng: 100% các cấp học đảm bảo đủ số lượng theo số lượng người làm việc được giao, đồng bộ về cơ cấu môn học.

+ Về chất lượng: Xây dựng đội ngũ giáo viên chuẩn hóa về trình độ đào tạo, 100% cán bộ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo trong đó mỗi cấp học có ít nhất 5% có trình độ đào tạo trên chuẩn, có ít nhất 10% giáo viên có trình độ trung cấp Lý luận chính trị trở lên.

- Đến năm 2030:

+ Về số lượng: 100% các cấp học đảm bảo đủ số lượng theo số lượng người làm việc được giao, đồng bộ về cơ cấu môn học.

+ Về chất lượng: Xây dựng đội ngũ giáo viên chuẩn hóa về trình độ đào tạo, 100% cán bộ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo trong đó mỗi cấp học có ít nhất 10% có trình độ đào tạo trên chuẩn, có ít nhất 15% giáo viên có trình độ trung cấp Lý luận chính trị trở lên.

Mục tiêu cụ thể các cấp học như sau:

Cấp học	Tổng số giáo viên	Trình độ hiện có				Mục tiêu giai đoạn đến năm 2025			Mục tiêu giai đoạn đến năm 2030		
		Dưới chuẩn	Chuẩn	Trên chuẩn	LLCT	Chuẩn	Trên chuẩn	LLCT	Chuẩn	Trên chuẩn	LLCT
GDMN	3.571	6,5%	28,03%	65,47%	3,92%	100%	75%	10%	100%	90%	15%
GDTH	4.142	30,98%	68,95%	0,07%	2,41%	100%	5%	10%	100%	10%	15%

THCS	2.728	14,11%	85,52%	0,37%	4,47%	100%	5%	10%	100%	10%	15%
THPT	1.278	0,55%	79,34%	20,11%	5,48%	100%	40%	25%	100%	60%	40%
Các trung tâm	116	7,69%	89,66%	7,76%	16,8%	100%	25%	22%	100%	30%	25%

Xây dựng và phát triển trường THPT chuyên của tỉnh đảm bảo yêu cầu giáo dục trên địa bàn: Xây dựng đội ngũ nhà giáo đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đạt mức cao của chuẩn nghề nghiệp; nâng tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ từ 64,8% (năm 2021) lên 80% (năm 2025) lên 90% (năm 2030) đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngoại ngữ, tin học khả năng nghiên cứu khoa học sư phạm và ứng dụng công nghệ trong trường học, đáp ứng nhu cầu vừa tăng quy mô, vừa nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Phấn đấu đến năm 2030 có 100% giáo viên giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng thông thạo tin học và thiết bị dạy học hiện đại; 50% giáo viên các môn khoa học tự nhiên có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong dạy học.

2. Mục tiêu 2: Bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018

- Đến năm 2025: 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức Đạt trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt mức Tốt; 100% giáo viên có năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo lộ trình.

- Đến năm 2030: 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức Đạt trở lên, trong đó có ít nhất 40% đạt mức Tốt; 100% giáo viên có năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo lộ trình.

Mục tiêu cụ thể các cấp học như sau:

Cấp học	Tổng số giáo viên	Năm	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	QLNN	QLGD	Chức danh NN	Giáo dục STEM
GDTH	4.142	2025		20%	5%	5%	100%	
		2030		30%	10%	10%	100%	
THCS	2.728	2025	10%	20%	5%	5%	100%	20%
		2030	20%	35%	10%	10%	100%	40%
GDTrH	1.278	2025	15%	18%	10%	10%	100%	25%
		2030	40%	30%	15%	20%	100%	50%
Các trung tâm	116	2025			10%	5%	100%	
		2030			15%	10%	100%	

(Cấp học mầm non không thuộc Giáo dục phổ thông)

3. Mục tiêu 3: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục

- Đến năm 2025: 100% cán bộ quản lý có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trong đó ít nhất 20% có trình độ trên chuẩn; 100% được bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước, quản lý giáo dục và quản lý các lĩnh vực chuyên sâu khác.

- Đến năm 2030: ít nhất 35% có trình độ đào tạo trên chuẩn.

Mục tiêu cụ thể từng giai đoạn như sau:

Tổng số CBQL hiện có là: 1.276 người, trong đó: Mầm non: 447 người; Tiểu học: 426 người; Trung học cơ sở: 264 người; Trung học phổ thông: 107 người; Các trung tâm: 29 người; CĐSP: 03 người. Phân đầu:

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030				
	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Các Trung tâm	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Các Trung tâm
Đào tạo đạt chuẩn	100%	100%	100%							
Đào tạo nâng chuẩn	100%	20,19%	20,45%	75,7%	55,17%		35,45%	40%	85,05%	62,07%
Trung cấp LLCT	100%	100%	100%	100%	100%					
Cao cấp LLCT	5,15%	2,35%	5,3%	15,89%	17,24%	10,07%	5,4%	10%	25,23%	24,11%
Quản lý Nhà nước	75,17%	81,22%	80%	100%	72,41%	100%	100%	90%		79,31%
Quản lý Giáo dục	100%	100%	100%	100%	72,41%					100%
Chức danh nghề nghiệp	100%	100%	100%	100%	100%					
Ngoại ngữ	70,47%	70,19%	70,83%	100%	100%	100%	100%	100%		
Tin học	85,16%	86,62%	80,06%	100%	86,21%	100%	100%	100%		
Giáo dục địa phương			56,82%	51,4%				100%	100%	
Hoạt động trải nghiệm		50%	90,91%	51,4%			100%	100%	100%	
Giáo dục STEM			56,82%	51,4%				100%	100%	

(Chi tiết theo Phụ lục số 3.1, 3.2 đính kèm)

4. Mục tiêu 4: Tuyển dụng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2030

Nguồn tuyển giáo viên: Sinh viên đã tốt nghiệp chưa có việc làm; sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp; sinh viên đào tạo theo đặt hàng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hằng năm đã tốt nghiệp; sinh viên đào tạo theo Nghị định 116/2021/NĐ-CP (nếu có). Giáo viên khi được tuyển dụng mới đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ, tin học, ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của

Chính phủ, quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Do là tỉnh miền núi, tình hình đội ngũ thường xuyên biến động giảm (thuyên chuyển công tác, thôi việc, nghỉ hưu, tinh giản...) cùng với việc thực hiện chỉ tiêu cắt giảm 10% số lượng người làm việc, nếu giai đoạn 2021-2030 không được giao bổ sung biên chế thì toàn ngành dự kiến tuyển dụng mới khoảng 1.000 giáo viên để bù số giáo viên giảm, trong đó:

- Giai đoạn 2021-2025 tuyển dụng mới 500 giáo viên;
- Giai đoạn 2026-2030 tuyển dụng mới 500 giáo viên.

Khi được cấp có thẩm quyền giao bổ sung biên chế, ngành Giáo dục và Đào tạo sẽ chủ động xây dựng phương án tuyển dụng bổ sung kịp thời. Trong đó giai đoạn 2021-2030 cần giao bổ sung 3.904 giáo viên để đảm bảo định mức số lượng người làm việc theo định mức quy định tại Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ưu tiên tuyển dụng môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (*tin học và công nghệ ở cấp tiểu học và môn nghệ thuật, giáo dục địa phương ở cấp THPT*); Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên môn văn hóa đáp ứng giảng dạy các môn theo chương trình giáo dục phổ thông mới (*môn Đạo đức, tự nhiên và xã hội, lịch sử và địa lý, giáo dục thể chất, nghệ thuật, trải nghiệm và các môn ghép tổ hợp Lịch sử và địa lý, trải nghiệm - hướng nghiệp, giáo dục địa phương ở cấp THCS, THPT*).

(Chi tiết theo Phụ lục số 3.3 đính kèm)

PHẦN III NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. Nhiệm vụ

1. Rà soát, đánh giá thực trạng về quy mô phát triển giáo dục, nhu cầu về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Sở GDĐT phối hợp với Sở Nội vụ, UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiến hành rà soát, đánh giá đúng thực trạng về quy mô số lớp, số học sinh;

Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp các cấp học đảm bảo nhu cầu tăng quy mô số lớp, số học sinh nhưng phải phù hợp tinh thần Nghị quyết số 18, 19 -NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII; khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập trường mầm non và trường phổ thông ngoài công lập.

2. Bố trí, sắp xếp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc phù hợp với chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm, xác định số lượng và cơ cấu bộ môn từng cấp học, đánh giá chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, căn cứ vào Đề án đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ, UBND cấp huyện tiến hành xây dựng kế hoạch đảm bảo tuyển dụng đủ số lượng đội ngũ nhà giáo các cấp học theo biên chế được giao, đáp ứng yêu cầu dạy và học; đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới theo lộ trình và thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế.

Rà soát, bố trí, sắp xếp lại những giáo viên không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bằng các giải pháp thích hợp như: luân chuyển làm công việc khác, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ; giải quyết tình giãn biên chế, bố trí lại công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, đồng thời bổ sung kịp thời lực lượng giáo viên trẻ có đủ điều kiện và năng lực. Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục theo hướng chuyên nghiệp hoá; bố trí sắp xếp cán bộ quản lý giáo dục các cấp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và năng lực của cán bộ, có cơ chế thay thế khi không đáp ứng yêu cầu.

Chủ động đặt hàng đào tạo mới, đào tạo văn bằng II, đào tạo liên thông, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm... đảm bảo đủ nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu dạy và học.

3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 và yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo nâng chuẩn trình độ theo lộ trình nâng chuẩn quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên; Ưu tiên việc đào tạo, đào tạo lại giáo viên các môn học còn thiếu theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhất là đội ngũ Hiệu trưởng các trường Tiểu học, Trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu chuẩn trình độ đào tạo và yêu cầu vị trí việc làm;

Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy tích hợp theo quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tiếp tục tổ chức cho giáo viên và cán bộ quản lý tham tập huấn, bồi dưỡng Chương trình, sách giáo khoa Giáo dục phổ thông 2018.

4. Tăng cường công tác quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Trên cơ sở quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT tham mưu cho UBND tỉnh hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động dạy học, nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, phân công, phân cấp hợp lý giữa các cấp, các ngành, các cơ quan về trách nhiệm, quyền hạn quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về xây dựng, quản lý đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là công tác thanh tra chuyên môn và quản lý chất lượng giáo dục. Quản lý chặt chẽ các hình thức dạy thêm, học

thêm, ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục.

Hoàn thiện nội dung hồ sơ quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đồng thời nâng cấp, hiện đại hoá công cụ quản lý thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự.

Tăng cường công tác dự báo, đổi mới nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Đề xuất chính sách điều tiết số lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cho phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục qua các khoá huấn luyện, tập huấn thường xuyên và học tập từ các mô hình thí điểm thành công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện), kết hợp học trực tiếp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới.

5. Đề xuất bổ sung hoàn thiện và triển khai cụ thể hoá một số chính sách về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cho phù hợp với tình hình hiện nay

Rà soát những chính sách đã được Trung ương và tỉnh ban hành; xem xét sự phù hợp của các chính sách, đề xuất, sửa đổi, bổ sung những chính sách đảm bảo phù hợp với quy định và thực tế địa phương; đề nghị bãi bỏ các chính sách không còn phù hợp; tham mưu chính sách mới có liên quan trực tiếp đến đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục như: chế độ phụ cấp ưu đãi thích hợp cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chính sách đào tạo, bồi dưỡng, chính sách sử dụng bổ nhiệm; sử dụng đãi ngộ...cũng như điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách, quy định, chế độ. Đặc biệt quan tâm bổ sung chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút người có trình độ cao vào công tác trong ngành giáo dục. Ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung, thay thế Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định chính sách hỗ trợ, cán bộ, công chức, viên chức đi học và chính sách thu hút những người có trình độ cao trên địa bàn tỉnh.

6. Đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

Trường Cao đẳng Sư phạm căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo nâng chuẩn cho đội ngũ giáo viên cấp học mầm non.

Trường Cao đẳng Sư phạm, Trung tâm GDTX tỉnh, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học phối hợp với các trường Đại học Sư phạm, các cơ sở đào tạo giáo viên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ giáo viên cấp tiểu học, THCS, THPT và tương đương theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế của các huyện, cơ sở giáo dục phổ thông, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các chương trình bồi dưỡng theo quy định.

II. Giải pháp

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về vai trò,

tầm quan trọng của phát triển đội ngũ giáo viên trong phát triển nguồn nhân lực của tỉnh

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò và tầm quan trọng của phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông trong yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Tuyên truyền sâu rộng đến đội ngũ nhà giáo về vai trò và vị trí nghề nghiệp, các yêu cầu trong công tác đổi mới giáo dục và đào tạo nhằm khuyến khích và hình thành ý thức tự học, học tập suốt đời, phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt hơn công việc được giao.

Các địa phương, đơn vị thường xuyên quán triệt, phổ biến để nâng cao nhận thức về vai trò và vị trí của giáo dục nói chung và vai trò then chốt của đội ngũ giáo viên nói riêng trong công tác tạo nguồn nhân lực.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về biên chế, tuyển dụng, sử dụng, đánh giá đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá về số lượng, chất lượng và cơ cấu của đội ngũ giáo viên trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục gắn với sự phát triển về số lượng học sinh, quy mô mạng lưới trường, lớp và yêu cầu khi triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Dự báo có hiệu quả tình trạng dôi dư, thiếu cục bộ, xác định nhu cầu tuyển dụng và đào tạo giáo viên đối với từng trình độ, cấp học, ngành học, môn học cho từng năm học; chủ động trong đào tạo nâng chuẩn, đào tạo chuyển đổi giáo viên theo hướng dạy học các môn tích hợp quy định tại Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018.

Triển khai kịp thời công tác tuyển dụng viên chức giáo dục hàng năm, bố trí đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu dạy học;

Thực hiện tốt chính sách thu hút giáo viên giỏi, có trình độ chuyên môn cao đến làm việc tại các cơ sở giáo dục, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường đối với sinh viên sư phạm theo chỉ tiêu đào tạo đặt hàng của tỉnh (nếu có);

Đề xuất các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên phát huy năng lực, sở trường và tích cực đổi mới, sáng tạo trong việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đánh giá đội ngũ giáo viên và thực hiện các chính sách đối với nhà giáo tại các đơn vị sự nghiệp và các cơ quan quản lý giáo dục.

3. Đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, cơ cấu giáo viên theo cấp học, môn học

Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, vận động đưa học sinh từ các điểm trường lẻ về trường trung tâm, thực hiện bố trí, sắp xếp tăng số học sinh/lớp, giảm số lớp ở cấp học phổ thông; sắp xếp số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khoa học, hợp lý đảm bảo sử

dụng hiệu quả biên chế được giao; giảm nhu cầu tăng thêm biên chế, tiết kiệm ngân sách, tăng cường hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và cơ sở vật chất đã được đầu tư, tạm dừng việc tuyển dụng đối với một số loại hình nhân viên nhằm đảm bảo ổn định đội ngũ, đặc biệt là ở cấp học Tiểu học và THCS để ưu tiên tuyển dụng giáo viên mầm non hiện đang còn thiếu...

Thực hiện hợp đồng giáo viên theo Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế;

Thực hiện chính sách thu hút, ưu tiên trong tuyển dụng theo quy định;

Tuyển dụng giáo viên từ nguồn: Sinh viên đã tốt nghiệp chưa có việc làm; sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp; sinh viên đào tạo theo đặt hàng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hằng năm đã tốt nghiệp; sinh viên đào tạo theo Nghị định 116/2021/NĐ-CP (nếu có).

Rà soát sắp xếp trường lớp, bố trí phù hợp sĩ số học sinh/lớp ở những nơi có sĩ số học sinh còn thấp so với quy định;

Thực hiện biệt phái giáo viên thừa từ những nơi thừa sang những nơi thiếu giáo viên;

Tạo điều kiện để số giáo viên thừa ở một số môn học, cơ sở giáo dục được đào tạo để giảng dạy các môn học còn thiếu giáo viên theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4. Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên đối với đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Thực hiện đúng lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên chưa đạt chuẩn theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên;

Thực hiện có hiệu quả cơ chế lựa chọn cơ sở đào tạo; xác định hình thức đào tạo; giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cho cơ sở đào tạo giáo viên được lựa chọn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng;

Triển khai có hiệu quả chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông theo quy định tại Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy Tiếng Anh đáp ứng việc dạy học ngoại ngữ bắt buộc từ lớp 3 trở lên theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thông qua việc bồi dưỡng năng lực ngôn ngữ và nghiệp vụ sư phạm.

Sở Thông tin - Truyền thông triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, phần chuyển đổi trong lĩnh vực Giáo dục; Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”.

5. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Ưu tiên lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thông qua chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới gắn với tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các dự án thuộc ngân sách địa phương ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học;

Ưu tiên đầu tư nhà công vụ, trang thiết bị dạy học, các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao đối với các trường ở vùng sâu, vùng xa nhằm nâng cao đời sống tinh thần, đảm bảo giáo viên yên tâm công tác.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, thanh tra, kiểm tra, giám sát về công tác quản lý, sử dụng, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp, phân công công tác đội ngũ nhà giáo; công tác tham mưu, quy hoạch, rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục; xử lý nghiêm cơ sở vi phạm quy định về quản lý, sử dụng nhà giáo.

Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án theo định kỳ hằng năm và từng giai đoạn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

7. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

Huy động kinh phí hỗ trợ giáo viên và cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ các tổ chức, cá nhân. Khuyến khích giáo viên tự túc kinh phí khi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Tuyên truyền, vận động tổ chức, doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan hỗ trợ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo các hình thức phù hợp.

III. Kinh phí thực hiện Đề án

1. Khái quát về kinh phí (kèm theo dự toán kinh phí cụ thể cho từng hoạt động)

a) Dự kiến mức chi phí đào tạo đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên:

- Đào tạo từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên đại học là 33,04 triệu đồng/khóa học;
- Đào tạo từ trình độ đại học lên trình độ thạc sỹ là 71,7 triệu đồng/khóa học;
- Đào tạo từ trình độ thạc sỹ lên Tiến sỹ là 229,1 triệu đồng/khóa học;
- Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị 17,31 triệu đồng/khóa học;
- Đào tạo Cao cấp lý luận chính trị 64,56 triệu đồng/khóa học.

b) Dự kiến chi phí bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu chuẩn chức danh nghề nghiệp và Đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên:

- Bồi dưỡng Quản lý nhà nước là 10,23 triệu đồng/khóa học;
- Bồi dưỡng Quản lý Giáo dục là 11,15 triệu đồng/khóa học;
- Bồi dưỡng Chức danh nghề nghiệp là 3,05 triệu đồng/khóa học (hỗ trợ tiền học phí);
- Bồi dưỡng Chương trình Giáo dục địa phương là: 10,23 triệu đồng/khóa học;
- Bồi dưỡng môn học Hoạt động trải nghiệm và Hướng nghiệp là: 10,23 triệu đồng/khóa học;
- Bồi dưỡng Chương trình Giáo dục STEM là: 10,23 triệu đồng/khóa học;
- Bồi dưỡng Tin học (đối với CBQL) là: 7,13 triệu đồng/khóa học;
- Bồi dưỡng Ngoại ngữ (đối với CBQL) là: 11,93 triệu đồng/khóa học.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện Đề án

2.1 Dự kiến kinh phí chi cho hoạt động đào tạo đạt chuẩn và nâng chuẩn trình độ

- a) Tổng số kinh phí giai đoạn 2021-2025: 146.195,25 triệu đồng, trong đó:
 - Kinh phí hỗ trợ Cán bộ quản lý: 21.315,25 triệu đồng.
 - Kinh phí hỗ trợ giáo viên: 124.880 triệu đồng.
- b) Tổng số kinh phí giai đoạn 2026-2030: 78.520,26 triệu đồng, trong đó:
 - Kinh phí hỗ trợ Cán bộ quản lý: 16.204,3 triệu đồng.
 - Kinh phí hỗ trợ giáo viên: 62.315,96 triệu đồng.

2.2 Dự kiến kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu chuẩn chức danh nghề nghiệp và Đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông

- a) Tổng số kinh phí giai đoạn 2021-2025: 76.265,52 triệu đồng, trong đó:
 - Kinh phí hỗ trợ Cán bộ quản lý: 25.508,55 triệu đồng.
 - Kinh phí hỗ trợ giáo viên: 43.175,11 triệu đồng.
- b) Tổng số kinh phí giai đoạn 2026-2030: 61.756,05 triệu đồng, trong đó:
 - Kinh phí hỗ trợ Cán bộ quản lý: 14.526,67 triệu đồng.
 - Kinh phí hỗ trợ giáo viên: 47.229,38 triệu đồng.

Tổng kinh phí thực hiện Đề án trong 10 năm là: 355.155,22 triệu đồng.

- Giai đoạn 1 (2021-2025): 214.878,91 triệu đồng.
- Giai đoạn 2 (2026-2030): 140.276,31 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8 kèm theo)

Kinh phí thực hiện Đề án cụ thể theo từng đơn vị.

(Chi tiết theo Phụ lục số 5.1, 5.2 kèm theo)

3. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí hằng năm trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo theo phân cấp, các nguồn kinh phí theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

IV. Lộ trình thực hiện Đề án

- Trong năm 2021: Khảo sát số liệu trường, lớp, học sinh, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng chỉ tiêu nâng trình độ chuẩn đào tạo theo quy định tại Nghị định 71/2020/NĐ-CP;

- Giai đoạn 2022-2025:

+ Thực hiện việc đào tạo nâng trình độ chuẩn đối với cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục 2019; sinh viên đào tạo theo đặt hàng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hằng năm cho các cơ sở đào tạo giai đoạn 2021-2025;

+ Triển khai việc bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông về chương trình, sách giáo khoa theo các module và lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Thực hiện Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp và Giáo dục STEM theo Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giai đoạn 2026-2030:

+ Tiếp tục triển khai việc bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông về chương trình, sách giáo khoa thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

+ Tiếp tục thực hiện Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp và Giáo dục STEM theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. Hiệu quả của Đề án

1. Sau khi thực hiện Đề án, toàn ngành có đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD bảo đảm chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; 100% giáo viên và cán bộ quản lý được chuẩn hóa về trình độ đào tạo theo yêu cầu của Luật Giáo dục năm 2019; 100% giáo viên và cán bộ quản lý được bồi dưỡng Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018. Trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm của đội ngũ được nâng lên, có khả năng thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục được kiện toàn và chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực quản lý, điều hành, đảm bảo các yêu cầu về quản lý nhà nước, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ...theo vị trí việc làm; có bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp.

2. Nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đặc biệt là nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thông qua việc thực hiện Đề án và quá trình chuyển đổi số trong trường học, sẽ được tiếp cận nhiều nguồn thông tin và phương pháp dạy học tiên tiến, được học tập nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực làm việc, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học bằng nhiều hình thức phù hợp; được hưởng các chế độ đãi ngộ khuyến khích và các chế độ hỗ trợ theo quy định tại Đề án và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Giáo dục trong trường phổ thông đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành ý thức đạo đức, lối sống, tình cảm, phong cách, tri thức khoa học cho học sinh, đây cũng là giai đoạn giáo dục nền tảng cần thiết nhất, quyết định đến nhân cách người học và là tiền đề quan trọng quyết định đến chất lượng nguồn nhân lực sau này. Vì vậy, xây dựng đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng là tạo điều kiện cho con em đồng bào các dân tộc trong tỉnh được học tập, rèn luyện trong môi trường giáo dục tốt sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực triển khai thực hiện Đề án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Đề án trong toàn ngành theo từng năm và từng giai đoạn, định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, UBND cấp huyện, các sở, ngành có liên quan hằng năm rà soát thực trạng thừa, thiếu giáo viên ở từng cấp học, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ trình Thủ tướng xem xét giao bổ sung số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, UBND cấp huyện, các sở, ngành có liên quan rà soát, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục 2019 và đào tạo nâng trình độ đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên để triển khai, thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm 2018 theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phối hợp với UBND cấp huyện rà soát các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập ở khu vực thuận lợi, có khả năng xã hội hóa cao, có đầy đủ cơ sở vật chất, có đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đồng đều về chất lượng, tiến hành thực hiện cơ chế tự chủ một phần hoặc tự chủ hoàn toàn về kinh phí và nhân sự.

Phối hợp với Sở Tài chính trong việc bố trí ngân sách Nhà nước để thực hiện hiệu quả các mục tiêu Đề án.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch, trình Bộ, ngành liên quan phân bổ đủ số lượng người làm việc theo định mức quy định của Bộ GDĐT; phê duyệt phương án, kế hoạch tuyển dụng đảm bảo đúng quy định hiện hành; giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đúng quy định và các chế độ chính sách hiện hành.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ khả năng ngân sách tham mưu cho UBND tỉnh

bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện Đề án theo Luật Ngân sách nhà nước. Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành trong việc xây dựng kế hoạch chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu về đổi mới căn bản toàn diện về giáo dục và đào tạo và Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

Hằng năm, rà soát thực trạng thừa, thiếu giáo viên, xây dựng kế hoạch sắp xếp, sáp nhập trường, lớp, bố trí sử dụng đội ngũ giáo viên hợp lý; xây dựng kế hoạch tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế được giao.

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở GDĐT và các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong từng giai đoạn phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương; quản lý, tuyển dụng và sử dụng có hiệu quả số lượng người làm việc được UBND tỉnh phân bổ hàng năm.

Rà soát các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập ở khu vực thuận lợi, có khả năng xã hội hóa cao, có đầy đủ cơ sở vật chất, có đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đồng đều về chất lượng, tiến hành thực hiện cơ chế tự chủ một phần hoặc tự chủ hoàn toàn về kinh phí và nhân sự.

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan cử giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo mục tiêu Đề án. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo bố trí, sắp xếp, tạo điều kiện cho giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ sớm tham gia đào tạo đạt chuẩn. Khuyến khích giáo viên tham gia học tập theo hình tự túc kinh phí đào tạo để nâng chuẩn theo yêu cầu của Luật Giáo dục 2019.

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước để thực hiện mục tiêu Đề án.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc đôn đốc thực hiện Đề án; kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

6. Trường Chính trị tỉnh và Trường Cao đẳng Sư phạm

Căn cứ Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo để phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và bảo vệ kế hoạch đào tạo hàng năm; gắn đào tạo với sử dụng, đảm bảo hợp lý cơ cấu, số lượng và chất lượng nguồn nhân lực.

7. Liên đoàn Lao động, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Điện Biên Phủ: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội.

8. Các cơ sở giáo dục

Hàng năm, tiến hành rà soát và cử giáo viên, cán bộ quản lý đi đào tạo đạt chuẩn và nâng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với tình hình của nhà trường; xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục học tập để nâng chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Lập kế hoạch hỗ trợ kinh phí cho giáo viên và cán bộ quản lý đi đào tạo theo dự toán hàng năm của các đơn vị.

VII. Chế độ thông tin, báo cáo, sơ tổng kết

Hàng năm, định kỳ 6 tháng một lần (tháng 6 và tháng 12) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban ngành, đoàn thể liên quan báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo tỉnh về tình hình triển khai thực hiện đề án. Tổ chức sơ kết thực hiện đề án sau 5 năm triển khai. Sơ kết thực hiện đề án giai đoạn 1 vào năm 2025. Tổng kết thực hiện đề án vào năm 2030.

Trên đây là Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”./.
